| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ T**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 137/2020/QĐST-HNGĐ | *T, ngày 25 tháng 9 năm 2020* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

Căn cứ vào các điều: 397, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều: 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 139/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- **Bà Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm 2000; cư trú tại: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Long An.

- **Ông Nguyễn Văn H**, sinh năm 1994; cư trú tại: ấp H, xã A, thành phố T, tỉnh Long An.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Nguyễn Văn H tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố T, tỉnh Long An vào ngày 21/02/2019, đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] Tại phiên hòa giải ngày 17 tháng 9 năm 2020, hai bên thực sự tự nguyện ly hôn do không còn tình cảm với nhau, thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con, thỏa thuận được với nhau về việc tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Nguyễn Văn H tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân, bà N và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Lê Kim N, sinh ngày 04/3/2019; sau khi ly hôn, bà N và ông H thống nhất bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 (hai triệu) đồng, cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 15/10/2020 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ chậm cấp dưỡng: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, trong trường hợp người phải thi hành án chậm thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, cha mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Vấn đề khác: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2**. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; bà N tự nguyện chịu toàn bộ, chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà N đã nộp theo biên lai thu số 0004742 ngày 15/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T sang thi hành lệ phí.

**3**. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự (02);
- Viện KSND tp T;
- Chi cục THADS tp T;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH (UBND xã A, tp T);
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu: Hồ sơ việc DS, án văn.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Toàn Vẹn**